TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HS-ST
Ngày: 07/11/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **ông Đoàn Minh Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: **- ông Nguyễn Văn Quýnh**

- bà Đoàn Phương Thảo

- Thư ký phiên tòa: bà **Nguyễn Phương Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh tham gia phiên toà: ông **Nguyễn Trung Kiên**, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2025, tại Hội trường xét xử tầng 1 Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ninh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2025/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HS, ngày 24 tháng 10 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Bùi Văn T** (Không có tên gọi khác); sinh ngày 24/7/1998 tại Quảng Ninh.

Nơi thường trú: thôn H, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (nay là thôn H, xã H, tỉnh Quảng Ninh); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Ú (đã chết) và bà Bùi Thị G; có vợ là Trịnh Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam ngày 17/5/2025, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Mạc Thanh T1** (Không có tên gọi khác); sinh ngày 04/10/1982 tại Quảng Ninh.

Nơi thường trú: thôn G, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (nay là thôn H, phường M, tỉnh Quảng Ninh); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mạc Quang S và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Trần Thị T2 và 03 con; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân:

+ Ngày 01, 02/7/2004, Tòa phúc thẩm tại Hà Nội Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 42 tháng tù về tội "Cướp tài sản". (Chấp hành xong án phạt tù ngày 02/09/2005).

+ Ngày 04/5/2012, Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái xử phạt 08 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". (Chấp hành xong án phạt tù ngày 02/09/2018).

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Thành L** (Không có tên gọi khác); sinh ngày 08/8/1994 tại Quảng Ninh.

Nơi thường trú: thôn G, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (nay là thôn H, phường M, tỉnh Quảng Ninh); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Bùi Thị T3; có vợ là Nguyễn Thị T4 (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Tiến M1** (Không có tên gọi khác); sinh ngày 21/7/1987 tại Quảng Ninh.

Nơi thường trú: thôn A, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (nay là thôn H, phường M, tỉnh Quảng Ninh); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến B (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ1 (đã chết); vợ, con: không có; tiền án: ngày 31/3/2025, Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 tháng tù, về tội "Vận chuyển hàng cấm"; tiền sự: ngày 25/3/2024, Công an thành phố M, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 20.000.000 đồng về hành vi tàng trữ, vận chuyển hàng cấm.

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Lê Văn P** (Không có tên gọi khác); sinh ngày 03/8/1992 tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi thường trú: tổ dân phố B, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (nay là tổ dân phố B, xã L, tỉnh Thanh Hóa); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Q và bà Đoàn Thị Đ2; vợ, con: không có; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Nguyễn Trọng N** (Không có tên gọi khác); sinh ngày 26/8/1989 tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi thường trú: tổ dân phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (nay là tổ dân phố T, phường Q, tỉnh Thanh Hóa); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng H1 và bà Lê Thị T5; vợ, con: không có; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: ngày 14/12/2010, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 03 năm tù giam, về tội "Cướp giật tài sản", chấp hành xong ngày 28/4/2013.

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

- Anh Trần Xuân T6, sinh năm 1981; nơi thường trú: phố M, xã Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (nay là phố M, phường Q, tỉnh Thanh Hóa). Có mặt tại phiên tòa.

- Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1986; nơi thường trú: thôn P, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (nay là thôn P, xã H, tỉnh Quảng Ninh). Vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Vũ Văn T7, sinh năm 1990; nơi thường trú: thôn F, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (nay là thôn H, xã H, tỉnh Quảng Ninh). Vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Trạc Văn H2, sinh năm 1992; nơi thường trú: thôn E, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (nay là thôn H, xã H, tỉnh Quảng Ninh). Vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Hoàng Văn Q1, sinh năm 1981; nơi thường trú: thôn D, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh (nay là thôn Q, xã Q, tỉnh Quảng Ninh). Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Hồi 22 giờ 05 phút ngày 11/5/2025, tại Km 255+200, Quốc lộ A, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, Đội Cảnh sát giao thông đường bộ số C1 Phòng C2 Công an tỉnh Q kiểm tra, phát hiện bị cáo Mạc Thanh T1 điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 14A-417.96 khi trong cơ thể có chất ma túy Methamphetamine, MDMA, Amphetamine. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Mạc Thanh T1, thu giữ tại ngăn kéo tủ dưới gầm cầu thang và chân giường trong phòng ngủ: 60

vỏ túi nilon; 01 túi nilon bên trong chứa chất tinh thể màu trắng và 01 viên nén màu hồng, kết quả giám định tổng số là 0,707 gam ma túy Methamphetamine; 01 ống hút hàn kín một đầu, một đầu cắt vát, bên trong lòng ống bám dính chất bột màu trắng là ma túy Methamphetamine, dạng vết không xác định khối lượng.

Tại bản Kết luận giám định số 599/KL-KTHS ngày 19/5/2025 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: 01 viên nén màu hồng và chất tinh thể màu trắng trong túi nilon thu giữ của Mạc Thanh T1 là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng là 0,707 gam.

[2] Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 13/5/2025, Cơ quan điều tra kiểm tra hành chính căn nhà của anh Hoàng Văn Q1 tại thôn F, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh (nay là thôn Q, xã Q, tỉnh Quảng Ninh) phát hiện bị cáo Lê Văn P và Nguyễn Trọng N có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy. Cùng ngày, tiến hành khám xét chỗ ở đối với P (tại căn nhà trên), đã thu giữ trên giường trong phòng và nhà vệ sinh: 01 ống thủy tinh được uốn cong một đầu có bầu tròn, bên trong bám dính chất bột màu trắng; 01 ống hút nhựa cong ở đoạn lò xo, một đầu được quấn băng dính đen nối với đoạn ống hút nhựa; 01 đoạn ống hút nhựa màu tím một đầu được cắt vát; 01 nắp chai màu vàng được đục 02 lỗ; 01 chiếc bật lửa; 01 chai nhựa Sting; 01 túi nilon màu xanh bên trong có 03 chiếc quần.

Tại bản Kết luận giám định số 598/KL-KTHS ngày 19/5/2025 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: Chất màu trắng dạng vết dính trong 01 ống thủy tinh dài 6,7cm một đầu uốn cong có bầu tròn và trong 01 đoạn ống hút nhựa màu tím sọc trắng dài 06cm một đầu cắt vát (thu giữ khi khám xét chỗ ở của P) là ma túy loại Methamphetamine, dạng vết không xác định được khối lượng.

Tại bản Kết luận giám định số 606/KL-KTHS ngày 20/5/2025 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: Tìm thấy chất ma túy Methamphetamine trong mẫu nước tiểu ghi thu của Lê Văn P, Nguyễn Trọng N.

Quá trình điều tra bị cáo Lê Văn P và Nguyễn Trọng N khai nhận nguồn gốc số ma túy P và N sử dụng do P nhờ Nguyễn Tiến M1 mua với giá 1.000.000 đồng và trả công cho M1 100.000 đồng. Sau khi nhận được ma túy, Phong cầm về căn nhà của anh Hoàng Văn Q1 tại thôn F, xã Q, huyện H (nay là xã Q), tỉnh Quảng Ninh và gọi N ra vườn đằng sau sát nhà vệ sinh để cùng nhau sử dụng ma túy. P cùng N lắp ráp bộ sử dụng ma túy (gồm 01 nỏ thủy tinh, 01 vỏ chai nước ngọt "Sting", đục hai lỗ ở nắp chai và 02 đoạn ống hút bằng nhựa). P đưa cho N túi ma túy, Nghiêm xúc ma túy đá từ túi nilon và cho vào nỏ thủy tinh, đồng thời sử dụng 01 chiếc bật lửa đốt dưới đáy của nỏ để ma túy đá chuyển thành dạng khói để sử dụng cho bản thân và đốt cho P sử dụng. P và N mỗi người sử dụng lần lượt được khoảng 04 lần thì hết ma túy.

Ngoài ra Lê Văn P và Nguyễn Trọng N còn khai nhận ngày 11/5/2025, P khởi xướng rủ N góp mỗi người 500.000 đồng mua ma túy đá (Methamphetamine) để cùng nhau sử dụng, thỏa thuận N sẽ ứng tiền trước để mua ma túy, N đồng ý. N chuyển 1.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng M2 số 0961378311 của N vào tài khoản A số 0373210656 của P, để P đi tìm mua ma

túy. Sau đó, P liên hệ với Nguyễn Tiến M1 hỏi mua 500.000 đồng ma túy. M1 đồng ý nên gửi cho P mã quét QR ngân hàng qua Z và bảo P chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng M2 số 0916783023 mang tên Nguyễn Thành L. Đến khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày, M1 giao ma túy cho P tại nhà M1. Sau khi mua được ma túy, P và N mang theo dụng cụ sử dụng, đi đến khu vực nghĩa trang xã H, thành phố M (nay là phường M), tỉnh Quảng Ninh cùng nhau sử dụng hết số ma túy này.

[3] Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Tiến M1 thừa nhận hành vi bán ma túy trái phép 02 lần cho Lê Văn P như nội dung lời khai của bị cáo Lê Văn P và Nguyễn Trọng N.

Ngoài ra, Nguyễn Tiến M1 còn khai nhận nguồn gốc số ma túy mua hộ Lê Văn P vào ngày 11/5/2025 là do M1 liên hệ mua của Nguyễn Thành L và bảo P chuyển 500.000 đồng từ tài khoản A số 0373210656 của P vào tài khoản ngân hàng M2 số 0916783023 của L. Sau khi nhận được ma túy từ L, M1 chia ra một phần để sử dụng cho bản thân, còn lại giao cho P tại nhà M1 ở thôn H, phường M, tỉnh Quảng Ninh; nguồn gốc số ma túy mua hộ Lê Văn P vào ngày 12/5/2025 là do M1 mua của Bùi Văn T và bảo P chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng M2 số 0326987600 của T. Do trước đó P và N rủ nhau góp tiền mua ma túy về sử dụng, nên P bảo Nguyễn Trọng N chuyển 1.000.000 đồng từ tài khoản M2 số 0961378311 của N đến tài khoản của T để trả tiền mua ma túy. Sau khi nhận được tiền, T giao ma túy cho M1 tại khu vực bờ ruộng trước cửa nhà T. M1 mang về nhà, cất giấu túi ma túy vào trong túi nilon màu xanh cùng với 02 quần đùi màu đen, 01 chiếc quần thể thao màu xanh, rồi gửi xe khách đến huyện H, tỉnh Quảng Ninh để giao cho P. P hứa hẹn sẽ cho M1 100.000 đồng tiền công mua hộ ma túy (P chưa trả tiền này cho M1).

[4] Quá trình điều tra bị cáo Bùi Văn T thừa nhận hành vi bán ma túy trái phép cho bị cáo Nguyễn Tiến M1 vào ngày 12/5/2025 như nội dung lời khai của bị cáo Nguyễn Tiến M1.

Ngoài ra, bị cáo Bùi Văn T còn khai nhận từ ngày 05/5/2025 đến ngày 12/5/2025, T còn 02 lần bán ma túy cho Trạc Văn H2 và 01 lần bán ma túy cho Vũ Văn T7, cụ thể:

- T 02 lần bán ma túy Methamphetamine cho Trạc Văn H2 với phương thức: H2 gọi điện thoại, Z đặt mua ma túy Methamphetamine của T; sau khi nhận được tiền, T giao ma túy cho H2 tại khu vực đường liên xã thuộc thôn E, xã H, thành phố M (nay là phường M), tỉnh Quảng Ninh. Lần thứ nhất: Khoảng 18 giờ 50 phút ngày 05/5/2025, T bán cho H2 1.000.000 đồng ma túy, H2 sử dụng tài khoản MoMo số 0353189914 của H2 chuyển tiền vào tài khoản MoMo số 0326987600 của T để trả tiền mua ma túy. Lần thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 10/5/2025, T bán cho H2 500.000 đồng ma túy, H2 trả tiền mặt cho T. Sau đó, H2 đều mang ma túy về nhà tự sử dụng hết.

- Khoảng 11 giờ ngày 11/5/2025, Vũ Văn T7 gọi điện và nhắn tin qua Z hỏi mua của T 400.000 đồng ma túy Methamphetamine. T7 sử dụng tài khoản ngân hàng B1 số 8801597753 của T7 chuyển 350.000 đồng vào tài khoản M2 số

0326987600 của T để trả tiền mua ma túy. T giao túi ma túy cho T7 tại khu vực bờ mương gần nhà T, T7 mang ma túy về nhà tự sử dụng hết.

Về nguồn gốc ma túy bán cho H2, T7, M1; T khai được Mạc Văn C (là bạn bè xã hội với T) giao cho đi bán, T được C trả công bằng cách cho tiền hoặc cho ma túy sử dụng không mất tiền. Hiện C vắng mặt tại nơi cư trú, chưa triệu tập lấy lời khai của C để làm rõ.

[5] Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Thành L thừa nhận hành vi bán ma túy trái phép cho bị cáo Nguyễn Tiến M1 vào ngày 11/5/2025 như nội dung lời khai của bị cáo Nguyễn Tiến M1.

Ngoài ra bị cáo Nguyễn Thành L còn khai nhận bán ma túy cho Nguyễn Văn V vào ngày 12/5/2025, cụ thể: Khoảng 18 giờ ngày 12/5/2025, Nguyễn Văn V sử dụng số điện thoại 0942.334.719 gọi vào số 0868.791.121 của L hỏi mua 1.000.000 đồng ma túy Methamphetamine, L đồng ý. V chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng M2 số 0985161636868 của V đến tài khoản M2 số 0916783023 của L để trả tiền mua ma túy. Sau khi nhận được tiền, L mang ma túy đến khu vực chợ M3, xã H, thành phố M (nay là phường M), tỉnh Quảng Ninh giao cho V, V mang ma túy về nhà tự sử dụng hết.

Đồng thời, bị cáo Nguyễn Thành L còn khai nhận nguồn gốc số ma túy bị cáo bán cho Nguyễn Tiến M1 và Nguyễn Văn V là do bị cáo mua của bị cáo Mạc Thanh T1, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 09/5/2025, T1 bán cho L 01 túi ma túy Methamphetamine với giá 700.000 đồng. T1 mang ma túy giấu tại chân cây cột điện gần nhà mình rồi thông báo cho L biết vị trí, L đến lấy ma túy rồi mang về nhà tự sử dụng hết.

- Lần thứ hai: Khoảng 19 giờ 25 phút ngày 11/05/2025, T1 bán cho L 01 túi ma túy Methamphetamine với giá 500.000 đồng. Sau khi hẹn vị trí giao nhận ma túy, L đi vào đường nhỏ bên cạnh nhà T1, T1 mở cửa sổ tầng 2 và ném túi ma túy xuống cho L. L mang ma túy về nhà, chia nhỏ ra để bán kiếm lời.

[6] Quá trình điều tra bị cáo Mạc Thanh T1 thừa nhận hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Thành L vào ngày 11/5/2025 như nội dung lời khai của bị cáo Nguyễn Thành L, nhưng không thừa nhận hành vi bán trái phép ma túy cho Nguyễn Thành L vào ngày 09/5/2025.

Ngoài ra Mạc Thanh T1 còn khai nhận nguồn gốc ma túy bán cho L và bị thu giữ của T1 là do T1 được một người thanh niên lái xe taxi chở đến giới thiệu để mua của một người đàn ông (T1 không quen biết, không biết nhân thân, địa chỉ của hai người này) tại khu vực gần Đồn biên phòng H3, phường M, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 10/5/2025 với giá 1.000.000 đồng. T1 mang ma túy về nhà chia nhỏ, sử dụng một phần cho bản thân, một phần bán cho L, còn lại đã bị thu giữ.

[7] Những người làm chứng gồm Nguyễn Văn V, Vũ Văn T7, Trạc Văn H2 có nội dung lời khai về việc mua ma túy của bị cáo Bùi Văn T, Nguyễn Thành L như nội dung khai nhận của bị cáo Bùi Văn T, Nguyễn Thành L.

[8] Vật chứng, tài sản, đồ vật tạm giữ trong vụ án: Toàn bộ mẫu vật ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy hoàn lại sau giám định (đã niêm phong theo quy định); 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0987212295, 01 túi nilon bên trong có 60 vỏ túi nilon của Mạc Thanh T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO gắn sim số 0868791121 của Nguyễn Thành L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi gắn sim số 0858851987 của Nguyễn Tiến M1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi gắn 02 sim số 0326987600 và 0865547691 của Bùi Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO gắn sim số 0373210656, 01 túi nilon màu đỏ, 01 ống hút nhựa màu trắng dài khoảng 19cm, 01 nắp chai màu vàng được đục 02 lỗ, 01 chiếc bật lửa, 01 chai nhựa dán mác có chữ STING, 01 túi nilon màu xanh bên trong có 03 chiếc quần của Lê Văn P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO gắn sim số 0961378311 của Nguyễn Trọng N.

Tại Bản cáo trạng số 8112/CT-VKSQN-P1, ngày 29/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố bị cáo Bùi Văn T, Mạc Thanh T1, Nguyễn Thành L, Nguyễn Tiến M1 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Lê Văn P, Nguyễn Trọng N về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

***) Tại phiên tòa**:

Các bị cáo Bùi Văn T, Nguyễn Thành L, Nguyễn Tiến M1, Lê Văn P, Nguyễn Trọng N khai nhận toàn bộ hành vi các bị cáo thực hiện như nội dung vụ án. Bị cáo Mạc Thanh T1 thừa nhận hành vi bán trái phép ma túy cho bị cáo Nguyễn Thành L vào ngày 11/5/2025 như nội dung bị cáo L đã khai nhận, nhưng không thừa nhận hành vi bán ma túy cho Nguyễn Thành L vào ngày 09/5/2025.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đã giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như nội dung Cáo trạng, sau khi phân tích nội dung vụ án, tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã đề nghị với Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS, xử phạt bị cáo Mạc Thanh T1 từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 14/5/2025.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo: Nguyễn Thành L từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 14/5/2025.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 56 BLHS, xử phạt bị cáo: Nguyễn Tiến M1 từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính

từ ngày 14/5/2025. Tổng hợp hình phạt của bản án số 34/HSST ngày 13/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Quảng Ninh) xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội "Vận chuyển hàng cấm" nên buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2025.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn P từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, đều về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 14/5/2024.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N mỗi bị cáo từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, đều về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 14/5/2024.

**) Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, b, c khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:*

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 túi nilon màu đỏ, 01 ống hút nhựa màu trắng dài khoảng 19cm, 01 nắp chai màu vàng được đục 02 lỗ, 01 chiếc bật lửa, 01 chai nhựa dán mác có chữ STING, 01 túi nilon màu xanh bên trong có 03 chiếc quần; 01 ống thủy tinh dài 6,7cm, một đầu uốn cong có bầu tròn; 01 đoạn ống hút nhựa màu tím sọc trắng dài 06cm, một đầu cắt vát; 01 túi nilon bên trong có 60 vỏ túi nilon.

+ Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu đen gắn sim số 0987212295; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO gắn sim số 0868791121; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi gắn sim số 0858851987; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi gắn 02 sim số 0326987600 và 0865547691; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO gắn sim số 0373210656.

+ Trả lại cho bị cáo T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu đen nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Buộc truy thu của bị cáo Mạc Thanh T1 1.200.000đ, bị cáo Nguyễn Thành L 1.500.000đ và bị cáo Bùi Văn T 2.850.000đ tiền do phạm tội mà có để sung ngân sách nhà nước.

Các bị cáo không tranh luận với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát và nói lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như

sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái – Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà trước đây (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ninh), Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, điều khoản áp dụng:

Căn cứ vào bản Kết luận giám định số 599/KL-KTHS ngày 19/5/2025 của Phòng K Công an tỉnh Q, Kết luận giám định số 606/KL-KTHS ngày 20/5/2025 của Phòng K Công an tỉnh Q, Biên bản bắt người bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, nội dung khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

- Từ ngày 05/5/2025 đến ngày 12/5/2025, tại xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (nay là xã H, tỉnh Quảng Ninh) và xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường M, tỉnh Quảng Ninh), Bùi Văn T 04 lần có hành vi bán trái phép ma túy loại Methamphetamine cho Trạc Văn H2, Vũ Văn T7, Nguyễn Tiến M1 với giá 2.850.000 đồng.

- Trong 02 ngày 11/5/2025 và 12/5/2025, tại xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường M, tỉnh Quảng Ninh), Nguyễn Thành L 02 lần có hành vi bán trái phép ma túy loại Methamphetamine cho Nguyễn Tiến M1, Nguyễn Văn V với giá 1.500.000 đồng.

- Trong 02 ngày 11/5/2025 và 12/5/2025, tại xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường M, tỉnh Quảng Ninh), Nguyễn Tiến M1 02 lần có hành vi bán trái phép ma túy loại Methamphetamine cho Lê Văn P với giá 1.500.000 đồng.

- Từ ngày 11/5/2025 đến ngày 12/5/2025, tại xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường M, tỉnh Quảng Ninh) và xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh (nay là xã Q, tỉnh Quảng Ninh), Lê Văn P và Nguyễn Trọng N đã có hành vi 02 lần tổ chức cho nhau sử dụng trái phép chất ma túy loại Methamphetamine, thì bị phát hiện bắt giữ, thu giữ vật chứng.

Đối với bị cáo Mạc Thanh T1: mặc dù bị cáo chỉ thừa nhận hành vi bán trái phép ma túy cho Nguyễn Thành L vào ngày 11/5/2025, tuy nhiên căn cứ vào giữa bị cáo L và T1 hoàn toàn không có mâu thuẫn (bị cáo T1 xác nhận nội dung này tại phiên tòa), nội dung lời khai của bị cáo Nguyễn Thành L về số tiền mua ma túy của bị cáo T1 phù hợp với thông tin chuyển khoản số tiền 700.000 đồng của tài khoản của bị cáo L và bị cáo T1, quá trình điều tra khám xét tại nơi ở của bị cáo T1 còn thu giữ 0,707 gam Methamphetamine – bị cáo T1 khai tàng

trữ nhằm mục đích bán kiếm lời, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để xác định: Trong 02 ngày 09/5/2025 và 11/5/2025, tại xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường M, tỉnh Quảng Ninh), Mạc Thanh T1 02 lần có hành vi bán trái phép ma túy loại Methamphetamine cho Nguyễn Thành L với giá 1.200.000 đồng và tàng trữ trái phép 0,707 gam Methamphetamine, mục đích để bán, thì bị phát hiện thu giữ.

Các bị cáo Bùi Văn T, Mạc Thanh T1, Nguyễn Thành L, Nguyễn Tiến M1, Lê Văn P, Nguyễn Trọng N có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, vi phạm các chính sách của Nhà nước về phòng chống ma túy. Hành vi bán trái phép chất ma túy 02 lần của Mạc Thanh T1, Nguyễn Thành L, Nguyễn Tiến M1 và hành vi bán trái phép ma túy 04 lần của Bùi Văn T đã cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); hành vi 02 lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho nhau của Lê Văn P và Nguyễn Trọng N đã cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh và nội dung luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ninh là có căn cứ pháp lý. Việc áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với hành vi phạm tội của các bị cáo dựa trên nguyên tắc có lợi cho các bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự.

Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

"1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: ...

b, Phạm tội 02 lần trở lên;".

Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

"*1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a, Phạm tội 02 lần trở lên;".

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước mà còn xâm phạm trật tự trị an xã hội. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử công khai và áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội

của các bị cáo là cần thiết, mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh phòng chống loại tội phạm ma túy này đang gia tăng trong thời gian gần đây.

Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Lê Văn P và Nguyễn Trọng N góp tiền cùng nhau mua ma túy, chuẩn bị công cụ để sử dụng ma túy nên các bị cáo có vai trò ngang nhau. Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần của Bùi Văn T, Mạc Thanh T1, Nguyễn Thành L, Nguyễn Tiến M1 được thực hiện một cách độc lập.

[3] Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Tiến M1 đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng "Tái phạm", quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo M1 còn có tiền sự bị xử phạt hành chính mức hình phạt 20 triệu đồng về hành vi tàng trữ, vận chuyển hàng cấm.

Các bị cáo Bùi Văn T, Nguyễn Thành L, Lê Văn P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Mạc Thanh T1, Nguyễn Trọng N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tuy nhiên bị cáo T1 có nhân thân đã hai lần bị xét xử về tội "Cướp tài sản" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; bị cáo N đã bị xét xử về tội "Cướp giật tài sản", do đó cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với hai bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Bùi Văn T, Nguyễn Thành L, Nguyễn Tiến M1, Lê Văn P, Nguyễn Trọng N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Văn T sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo Lê Văn P có người thân có công với cách mạng, do đó bị cáo T, bị cáo P được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự, các bị cáo Lê Văn P và Nguyễn Trọng N còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên các bị cáo tổ chức sử dụng ma túy cho nhau không vì mục đích lợi nhuận, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với 02 bị cáo.

Đối với các bị cáo Bùi Văn T, Mạc Thanh T1, Nguyễn Thành L, Nguyễn Tiến M1 mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần nhằm mục đích kiếm lời, có ma túy để sử dụng, tuy nhiên các bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, sẽ phải chấp hành hình phạt tù, do đó không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[4] Trên cơ sở xem xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội

đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo trong khung hình phạt đã truy tố mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo Bùi Văn T 04 lần bán trái phép chất ma túy, bị cáo Mạc Thanh T1 mặc dù 02 lần bán trái phép chất ma túy, tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T1 không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân xấu, do đó cần áp dụng mức hình phạt như nhau đối với hai bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Tiến M1 bán trái phép chất ma túy 02 lần, mặc dù bị cáo L không có tiền án, tiền sự, bị cáo M1 bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tuy nhiên hành vi bán trái phép chất ma túy của bị cáo L mục đích thu lời bất chính có tính nguy hiểm hơn so với hành vi mua hộ ma túy của bị cáo M1, do đó cần áp dụng mức hình phạt như nhau đối với hai bị cáo. Ngoài ra, phải tổng hợp hình phạt 18 tháng tù về tội "Vận chuyển hàng cấm" đối với bị cáo Nguyễn Tiến M1 để buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội.

Bị cáo Lê Văn P mặc dù là người khởi xướng, tuy nhiên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Trọng N có nhân thân đã bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 03 năm tù giam, về tội "Cướp giật tài sản", do đó cần áp dụng mức hình phạt như nhau đối với hai bị cáo.

[5] Về vật chứng và xử lý vật chứng:

Toàn bộ mẫu vật ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy hoàn lại sau giám định (đã niêm phong theo quy định), 01 túi nilon bên trong có 60 vỏ túi nilon của Mạc Thanh T1; 01 túi nilon màu đỏ, 01 ống hút nhựa màu trắng dài khoảng 19cm, 01 nắp chai màu vàng được đục 02 lỗ, 01 chiếc bật lửa, 01 chai nhựa dán mác có chữ STING, 01 túi nilon màu xanh bên trong có 03 chiếc quần của Lê Văn P căn cứ vào quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy;

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0987212295 thu giữ của Mạc Thanh T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO gắn sim số 0868791121 của Nguyễn Thành L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi gắn sim số 0858851987 của Nguyễn Tiến M1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi gắn 02 sim số 0326987600 và 0865547691 của Bùi Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO gắn sim số 0373210656 của Lê Văn P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO gắn sim số 0961378311 của Nguyễn Trọng N, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, tịch thu tiêu hủy các sim lắp trong những chiếc điện thoại này.

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu đen thu giữ của bị cáo Mạc Thanh T1 không liên quan đến hành vi phạm tội, căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần trả lại cho bị cáo T1.

Đối với số tiền các bị cáo Bùi Văn T, Mạc Thanh T1, Nguyễn Thành L có được do bán ma túy, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần truy thu sung ngân sách Nhà nước.

[6] Đối với những người làm chứng mua ma túy để sử dụng gồm Nguyễn Văn V, Trạc Văn H2, Vũ Văn T7 đã bị cơ quan công an xử phạt hành chính, nên không đề cập. Đối với người lái xe taxi bán ma túy cho Mạc Thanh T1 quá trình điều tra không xác định được lai lịch địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý. Đối với Mạc Văn C bán ma túy cho Bùi Văn T, nhưng theo tài liệu trong hồ sơ thể hiện C đang vắng mặt tại nơi cư trú, nên chưa có căn cứ để xử lý. Đối với Trần Xuân T6 và Hoàng Văn Q1, không biết hai bị cáo Lê Văn P và Nguyễn Trọng N sử dụng trái phép chất ma túy tại ngôi nhà thuộc sự quản lý của T6 và thuộc sở hữu của Q1, nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm: cần buộc các bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn T 08 (tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/5/2025.

[2] Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Mạc Thanh T1 08 (tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/5/2025.

[3] Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/5/2025.

[4] Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tiến M1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội "Vận chuyển hàng cấm" tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2025/HS-ST, ngày

31/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ninh), buộc bị cáo Nguyễn Tiến M1 phải chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/5/2025.

[5] Căn cứ: điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn P 07(bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/5/2025.

[6] Căn cứ: điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng N 07(bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/5/2025.

*** Về xử lý vật chứng**:

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong số 598/KL-KTHS ngày 19/5/2025 của Phòng K - Công an tỉnh Q (kèm theo Kết luận giám định số 598/KL-KTHS ngày 19/5/2025 của Phòng K - Công an tỉnh Q); 01 phong bì niêm phong số 599/KL-KTHS ngày 19/5/2025 của Phòng K - Công an tỉnh Q (kèm theo Kết luận giám định số 599/KL-KTHS ngày 19/5/2025 của Phòng K - Công an tỉnh Q); 01 túi nilon màu đỏ, kích thước (30x40)cm; 01 ống hút nhựa màu trắng dài khoảng 19cm; 01 nắp chai màu vàng được đục 02 lỗ; 01 chiếc bật lửa, trên thân bật lửa có chữ "Hoa Việt"; 01 túi nilon màu xanh loại túi có quai xách đựng thực phẩm, kích thước (30x45)cm; 01 chiếc quần thể thao màu xanh, đã qua sử dụng; 02 chiếc quần đùi màu đen, đã qua sử dụng; 01 chai nhựa, màu trắng dán mác có chữ STING; 01 túi nilon bên trong có 60 vỏ túi nilon;

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0987212295 thu giữ của Mạc Thanh T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu xanh, gắn sim số 0868791121 thu giữ của Nguyễn Thành L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, vỏ màu xanh đen, gắn sim số 0858851987 thu giữ của Nguyễn Tiến M1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, vỏ màu xanh, gắn 02 sim số 0326987600 và 0865547691 thu giữ của Bùi Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu xanh, gắn sim số 0373210656 thu giữ của Lê Văn P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu vàng, gắn sim số 0961378311 thu giữ của Nguyễn Trọng N. Tịch thu tiêu hủy các sim trong các điện thoại trên;

- Trả lại cho bị cáo Mạc Thanh T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu đen bên trong gắn 01 sim điện thoại.

Toàn bộ số vật chứng trên hiện do Phòng thi hành án dân sự Khu vực 6 –

Quảng Ninh quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản, ngày 30/9/2025.

- Truy thu sung ngân sách nhà nước đối với bị cáo Bùi Văn T số tiền 2.850.000 đồng;

- Truy thu sung ngân sách nhà nước đối với bị cáo Mạc Thanh T1 số tiền 1.200.000 đồng;

- Truy thu sung ngân sách nhà nước đối với bị cáo Nguyễn Thành L số tiền 1.500.000 đồng;

*) **Về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Bùi Văn T, Mạc Thanh T1, Nguyễn Thành L, Nguyễn Tiến M1, Lê Văn P, Nguyễn Trọng N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

***) Về quyền kháng cáo:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 6 – Quảng Ninh ;
- Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS&HTTP CA tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 6 – Quảng Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu án văn + Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Minh Chiến